

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 384/2020/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, Về việc “ Ly hôn, trả chấp nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung ” giữa:

Nguyên đơn : A Ngô M Ph, sinh năm 1979.

Bị đơn : chị Nguyễn Thị Diễm Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: cùng ngụ Khóm 3, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV.

Người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan:

1/ Cháu Ngô Nguyễn Xuân M, sinh ngày 29/3/2009.

2/ Cháu Ngô Nhựt H, sinh ngày 02/01/2014.

3/ Cháu Ngô Nhựt M, sinh ngày 05/10/2012.

Địa chỉ: cùng ngụ Khóm 3, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV.

4/ ông Nguyễn Văn H sinh năm: 1957.

5/ông Nguyễn H, sinh năm: 1938.

6/bà Ngô Thị Th, sinh năm: 1963.

7/ông Nguyễn Trung Th, sinh năm: 1979.

8/ông Ngô Văn T, sinh năm: 1972.

9/ông Ngô Nhựt A, sinh năm: 1991.

10/ông Ngô Văn Ng, sinh năm: 1947.

11/bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1963.

12/bà Diệp Kim C, sinh năm: 1959

Địa chỉ : cùng Khóm 3, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV.

13/ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV.

14/ông Lê T Ân, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: số 261, đường Bình Hội, Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Th Phố HC M.

15/ông Phan ThA Th, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: khóm 7, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV.

16/ông Dương Văn Th, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Ch Th, tỉnh TV.

17/ông Võ Phục M H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: số 4/1 Tam Đông, phường Thới Tam Thôn, Hóc Môn.Th Phố HC M.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55;71;72;81;107;116;117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội; quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải Th ngày 29 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải Th ngày 29 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải Th, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT Đ:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

A Ngô M Ph, sinh năm 1979 với chị Nguyễn Thị Diễm Th, sinh năm 1984 được ly hôn.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

A Ngô M Ph với chị Nguyễn Thị Diễm Th xác Đ có 03 con chung tên cháu Ngô Nguyễn Xuân M, sinh ngày 29/3/2009, và cháu Ngô Nhựt M, sinh ngày 05/10/2012, cháu Ngô Nhựt H, sinh ngày 02/01/2014. Sau khi ly hôn chị Diễm Th đồng ý giao 03 con chung tên cháu Ngô Nguyễn Xuân M, và cháu Ngô Nhựt M, cháu Ngô Nhựt H cho A Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng các cháu. A Ph không yêu cầu chị Diễm Th phụ cấp dưỡng 03 con chung. Chị Nguyễn Thị Diễm Th được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung là cháu M, cháu M, và cháu H không ai được quyền ngăn cấm.

***Về tài sản chung:** A Ngô M Ph với chị Nguyễn Thị Diễm Th thống nhất thoả thuận chia như sau:

- A Ph được hưởng: 01 nH thi đấu lớp tonl lạnh, vách dưng tonl lạnh (loại nH tiền chế, A Ph với chị Th thống nhất giá trị là: 1.000.000.000 đồng), xây dựng trên phần đất thuê của ông Phan ThA Th, tọa lạc Khóm 6, trị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV, hiện ông Ph đang quản lý.

- Chị Diễm Th được hưởng: 01 shop bán đồ thể thao (xây dựng trên đất cha ruột ông Nguyễn Văn H, A Ph với chị Diễm Th thống nhất giá trị là: 400.000.000 đồng), tọa lạc Khóm 3, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV, hiện chị Diễm Th đang quản lý shop. Và hưởng tiền chuyển nhượng 02 thửa đất số 471, diện tích 138m², và thửa 1772, diện tích 1.882m² số tiền bằng 540.000.000 đồng chị Th đang quản lý tiền.

***Nợ chung:** A Ngô M Ph với chị Nguyễn Thị Diễm Th, khai có nợ, thống nhất thoả thuận trả như sau:

- A Ngô M Ph trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền: 700.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Diễm Th trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền: 100.000.000 đồng.

***Đối với các phần nợ của:** ông Nguyễn Văn Đ; bà Ngô Thị Th; ông Phan ThA Th; ông Lê T Ân; ông Ngô Nhựt A; ông Ngô Văn Ng; ông Nguyễn H; ông Nguyễn Trung Th, bà Lê Thị Thu H; ông Ngô Văn T; ông Dương Văn Th; bà Diệp Kim C; ông Võ Phục M H; A Ph, và chị Diễm Th rút lại không yêu cầu giải quyết phần nợ chung này, để A Ph với chị Diễm Th tự thỏa thuận trả nợ, được các chủ nợ đồng ý bằng văn bản.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- A Ngô M Ph tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng. Hoàn trả cho A Ngô M Ph số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai AA/2020, số 0003734, ngày 07/10/2020 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện CL.

- Chị Nguyễn Thị Diễm Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- A Ngô M Ph phải chịu tiền án phí chia tài sản chung phần 1.000.000.000 đồng là 21.000.000 đồng, và chịu án phí phần trả nợ chung của số tiền 700.000.000 đồng là: 16.000.000 đồng. Tổng cộng tiền án phí A Ph chịu là: 37.000.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 15.800.000 đồng A Ngô M Ph đã nộp tạm ứng theo lai thu AA/2020, số 0003735, ngày 07/10/2020 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện CL. A Ph phải nộp thêm số tiền án phí là: 21.200.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Diễm Th phải chịu tiền án phí phần chia tài sản chung 940.000.000 đồng là 20.100.000 đồng, và chịu án phí phần trả nợ chung số tiền 100.000.000 đồng là: 2.500.000 đồng. Tổng cộng là: 22.600.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 23.700.000 đồng chị Diễm Th đã nộp tạm ứng theo biên lai thu AA/2020, số 0006402, ngày 04/6/2020 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện CL. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí còn thừa cho Nguyễn Thị Diễm Th số tiền là: 1.100.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được miễn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi án thì Hng tháng bên phải thi Hình có nghĩa vụ chịu thêm mức lãi suất, theo qui Đ tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi Hình án cho đến khi thi Hình xong.

3. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hình và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Ph thẩm.

4. Quyết Đ này được thi Hình theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện CL;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện CL.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Tâm

